TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ QUAO** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/DSST
Ngày: 11-02-2025
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh;

2. Bà Nguyễn Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên toà: Bà Thị Xà Ly - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 tháng 01 và ngày 11 tháng 02 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 44/2024/TLST-DS ngày 18/3/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-DS, ngày 07 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2025/QĐST-DS,ngày 24/01/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Lê Kim N - sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L - sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/3/2024 và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Nguyễn Lê Kim N trình bày: Vào ngày 08 tháng 02 năm 2022 (âm lịch) tôi có cho bà Nguyễn Thị L vay số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), hai bên thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng, có làm biên nhận nợ và bà L hẹn trong 1 tháng trả lại vốn gốc và lãi nhưng giữa tôi và bà L có thỏa thuận là trả lãi theo ngày. Tuy nhiên, từ ngày nhận tiền đến nay bà L không đóng lãi và không trả số tiền gốc cho tôi, tôi đã cố gắng liên hệ rất nhiều lần nhưng bà L không nghe máy và cũng đổi số điện thoại liên lạc.

Nay, tôi khởi kiện yêu cầu giải quyết Tòa an buộc bà L phải trả tiền gốc là 100.000.000 đồng và tính lãi theo quy định của Nhà nước từ ngày 08/02/2022 âl cho đến khi kết thúc vụ án và trả một lần hết nợ.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị L không có mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến nay bà L không có mặt ở địa phương và được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đúng theo quy định của pháp luật nhưng bà L vẫn không có mặt tại Tòa án theo giấy triệu tập nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của bà L trong vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tuân thủ các thủ tục về thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết của Tòa án cũng như các thủ tục hòa giải, thủ tục tố tụng tại phiên tòa là đúng theo qui định. Đối với nguyên đơn đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật còn bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt tại phiên tòa nên không tuân thủ theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, cũng còn một số vi phạm như: Vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử nên đề nghị Tòa án khắc phục sau này.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các bên đương sự cũng như tại phiên tòa hôm nay, đối chiếu với các quy định của pháp luật Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Lê Kim N, buộc bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà N số tiền gốc còn nợ 100.000.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định của Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Lê Kim N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị L phải trả số tiền vay còn nợ nên quan hệ tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị L là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, bà L được tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp.

[2] Về nội dung: Hợp đồng vay tiền giữa bà Nguyễn Lê Kim N và bà Nguyễn Thị L là hợp đồng vay có thời hạn và có lãi. Hợp đồng này được giao kết thực hiện trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tuy nhiên, bà Nguyễn Lê Kim N có cho bà Nguyễn Thị L vay số tiền gốc là 100.000.000 đồng vào ngày 08/02/2022 âl và hai bên có làm biên nhận nợ với nhau, bà L có ký tên. Sau đó, bà N đã liên hệ với bà L để yêu cầu bà L trả số tiền này nhiều lần nhưng bà L cứ hứa nhiều lần mà không thực hiện và để kéo dài đến nay.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N, HĐXX thấy rằng: Bà Nguyễn Lê Kim N và bà Nguyễn Thị L là chỗ quen biết nên bà N có cho bà L

vay số tiền là 100.000.000 đồng vào ngày 08/02/2022 âl. Sau khi nhận tiền xong bà L không đóng lãi cho bà N nên đã liên hệ với bà L để đòi lại số tiền nêu trên nhiều lần, nhưng bà L cứ hứa nhiều lần mà không thực hiện còn cố tình né tránh. Từ đó, bà Nguyễn Lê Kim N khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị L phải trả cho bà số tiền là 100.000.000 đồng là có căn cứ. Bởi vì, bà N xác định biên nhận nợ mà bà cung cấp cho Tòa án do bà L viết và bà L ký giao cho bà. Đồng thời, Tòa án tống đạt, niêm yết và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đúng theo quy định nhưng bà L không có văn bản nêu ý kiến phản hồi của mình về yêu cầu khởi kiện của bà N. Từ đó, cho thấy bà L đã biết được nội dung khởi kiện của bà N nên yêu cầu của bà N là có căn cứ để HĐXX chấp nhận.

[4] Đối với bà Nguyễn Thị L là bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên, khi bà Nguyễn Thị L thực hiện giao dịch với bà Nguyễn Lê Kim N thì bà có địa chỉ rõ ràng, đó cũng là nơi bà cư trú, hiện nay bà L vẫn còn hộ khẩu thường trú ở địa chỉ trên nên theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng pháp luật. Tòa án đã thực hiện các thủ tục niêm yết và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đúng theo quy định tại Điều 179 và Điều 180 của Bộ luật tố tụng Dân sự nhưng bà L không có mặt tại Tòa án để làm các văn bản gửi cho Tòa án nên không có căn cứ để xem xét ý kiến của bà. Từ đó, cho thấy bà Nguyễn Thị L đã biết được nội dung yêu cầu khởi kiện của bà N. Do đó, HĐXX thống nhất xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị L theo qui định của pháp luật.

Vì vậy, HĐXX căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết. Do đó, HĐXX căn cứ vào "Biên nhận" ngày 08/02/2022 âl, buộc bà L phải trả số tiền gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi theo yêu cầu của bà N.

[5] Về lãi suất:

Xét yêu cầu tính lãi suất của bà Nguyễn Lê Kim N thì bà yêu cầu tính lãi theo quy định của Nhà nước từ ngày 08/02/2022 âl đến khi xét xử là có căn cứ chấp nhận. Bởi vì, theo quy định của pháp luật, khi thỏa thuận vay tiền đều có lãi trừ trường hợp các đương sự thỏa thuận không có lãi. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà Nguyễn Thị L không có mặt nên bà cũng không có văn bản trình bày về yêu cầu tình lãi của bà N. Do đó, việc bà N yêu cầu tính lãi suất từ ngày 08/02/2022 âl đến ngày xét xử là phù theo quy định của pháp luật. Đối với lãi suất mà hai bên thỏa thuận là 3%/tháng cao so với quy định của pháp luật.

Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015: "*Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.*

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có

liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực".

Đối chiếu quy định trên thì lãi suất cho phép là 20%/năm: 12 tháng = 1,66%/tháng nên thời gian tính lãi suất như sau:

Đối với số tiền là 100.000.000 đồng tính từ ngày 08/02/2022 âl (tức là ngày 10/3/2022) đến ngày xét xử là ngày 11/02/2025 là 35 tháng 01 ngày: (100.000.000 đồng x 1,66%/tháng) x 35 tháng 01 ngày = 58.155.333,33 đồng.

Tổng cộng vốn và lãi: 100.000.000đ + 58.155.333,33đ = 158.155.333,33 đồng làm tròn 158.155.000 đồng (một trăm năm tám triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

[6] Tại phiên tòa sau khi nghe lời trình bày của nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Từ những phân tích đánh giá trên và sau khi thảo luận, nghị án HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Lê Kim N đối với bị đơn Nguyễn Thị L. Do đó, buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho bà Nguyễn Lê Kim N số tiền là 158.155.000 đồng (một trăm năm tám triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[8] Về án phí DSST là: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH1430/12/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Yêu cầu của bà Nguyễn Lê Kim N được Tòa án chấp nhận nên bà N nhận lại số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007970 ngày 18/3/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là: 158.155.000 đồng x 5% = 7.907.750 đồng làm tròn là 7.908.000 đồng (bảy triệu chín trăm lẻ tám nghìn đồng).

Về chi phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng bà Nguyễn Lê Kim N tự nguyện nộp và đã nộp xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 463, Điều 466, Điều 467 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Lê Kim N đối với bị đơn bà Nguyễn Thị L.

Buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho bà Nguyễn Lê Kim N số tiền là 158.155.000 đồng (một trăm năm tám triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí DSST: Là 7.908.000 đồng (bảy triệu chín trăm lẻ tám nghìn đồng) buộc bà Nguyễn Thị L phải nộp.

Bà Nguyễn Lê Kim N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007970 ngày 18/3/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Về chi phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng bà Nguyễn Lê Kim N tự nguyện nộp và đã nộp xong.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 11/02/2024. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a và Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Hoài Thanh